

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
giữa bà S và chị L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Chiến

Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về: tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị S, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 3, ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: chị Võ Thị Tú Q
– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà S, chị Quyên có mặt, chị L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị S trình bày:

Năm 2018 bà Trương Thị S có nhận chị Nguyễn Thị Bích L làm con nuôi nên từ ngày 31/7/2018 bà cho chị L vay nhiều lần các khoản tiền khác nhau. Đến ngày 12/01/2019 chị L có viết cho bà giấy cam kết trả nợ với số tiền 700.000.000 đồng, còn các khoản tiền mượn khác thì chị L không làm giấy tờ cho bà. Mục đích cho vay tiền là để hỗ trợ chị L làm ăn nên bà không tính lãi. Thời hạn vay chị L hứa mỗi tháng trả 10 triệu đồng. Bà chưa nhận được khoản tiền trả nào của chị L.

Nay bà yêu cầu chị L trả cho bà số tiền gốc là 700.000.000 đồng, không tính lãi. Bà S chỉ yêu cầu một mình chị L trả nợ.

Chị Nguyễn Thị Bích L không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà S cho chị L vay tiền có giấy nhận nợ và có chứng kiến của Trưởng ấp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự buộc chị L có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 700.000.000 đồng, không tính lãi là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Bích L không có hộ khẩu ở huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nhưng theo Tờ cam kết trả nợ ghi địa chỉ của chị Nguyễn Thị Bích L là ở ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Biên bản xác minh công an xã Phước Vinh và Trưởng ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh thể hiện năm 2010 chị L có làm thủ tục đăng ký tạm trú và buôn bán tại chợ Phước Vinh đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì bỏ đi. Như vậy, có đủ cơ sở xác nhận nơi bị đơn cư trú cuối cùng là ở ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh Tây Ninh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị L theo địa chỉ được ghi trong Tờ cam kết trả nợ thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn. Chị L thay đổi nơi cư trú, làm việc mà không thông báo cho bà S biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Chị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị không đến tòa án. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà S cung cấp 01 tờ cam kết trả nợ ngày 12/01/2019 với nội dung chị L mượn số tiền 700.000.000 đồng, hứa mỗi tháng trả góp 10.000.000 đồng, bắt đầu góp từ ngày 13/01/2019. Tờ cam kết có xác nhận của ông Tạ Ngọc T là trưởng ấp P, xã Ph. Tại biên bản xác minh ông T xác nhận chị L là người trực tiếp ghi giấy nợ và ký tên trước mặt ông như nội dung trong Tờ cam kết là đúng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc vay số tiền 700.000.000 đồng giữa bà S và chị L là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi. Bà S trình bày chị L chưa trả tiền gốc cho bà, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận của các bên.

[4]. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập làm việc; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị L không đến tòa án, cũng như không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự chị L có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S đối với số tiền gốc 700.000.000 đồng. Ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu một mình chị L có trách nhiệm trả nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà Trương Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà S thuộc đối tượng được miễn tiền tạm ứng án phí theo điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trương Thị S đối với chị Nguyễn Thị Bích L.

Buộc chị Nguyễn Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị S số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ghi nhận bà S không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 32.0000000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Bà Trương Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu